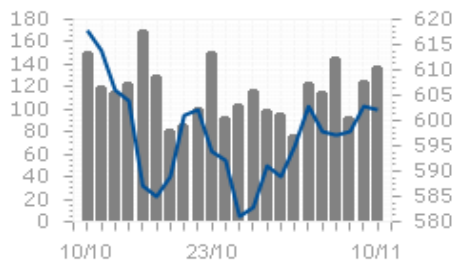


## HOSE 10/11/2014

VNINDEX	602.12	-0.47	-0.08%
KLGD	138,816,769	CP	
GTGD	2,886.62	Tỷ	
GTR NDTNN	-	38.78	Tỷ
CP Tăng giá	126	CP	
CP Giảm giá	88	CP	
CP Đứng giá	90	CP	



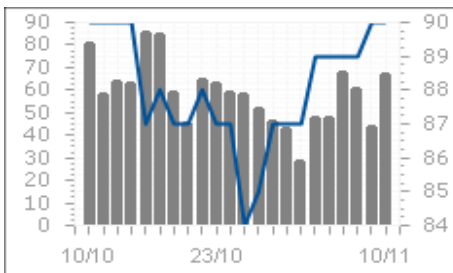
## Tâm điểm

- ▶ **Chỉ số 2 sàn bất ngờ mất điểm cuối phiên**
- ▶ **Khối lượng tiếp tục gia tăng, giá trị giao dịch 2 sàn gần 4000 tỷ**  
NĐT Nước ngoài bán ròng trên cả 2 sàn
- ▶ **Dòng vốn chảy mạnh vào trái phiếu**  
Các ngân hàng vẫn đang gia tăng đầu tư trái phiếu mặc dù lãi suất thấp  
Sài Gòn Đầu tư
- ▶ **20 thành viên APEC rút gần 190 tỷ USD vào Việt Nam**  
Theo diễn đàn hợp tác Châu Á Thái Bình Dương lần thứ 22  
TBKTSG
- ▶ **10 tháng, giải ngân ODA đạt gần 80%**  
Tổng nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ 10 tháng năm 2014 là 189.153,4 tỷ đồng  
Báo Hải quan
- ▶ **PVD lãi hợp nhất 9 tháng 2.014 tỷ đồng, gấp 1,4 lần cùng kỳ**  
Các gián khoan sở hữu của PVD tiếp tục hoạt động an toàn với hiệu suất cao trên Gafin
- ▶ **VNT lãi sau thuế 6,7 trong quý III, giảm 7% so với cùng kỳ**

DVO

## HNX 10/11/2014

HNXINDEX	89.51	-0.03	-0.04%
KLGD	68,149,761	CP	
GTGD	989.21	Tỷ	
GTR NDTNN	-	14.52	Tỷ
CP Tăng giá	100	CP	
CP Giảm giá	78	CP	
CP Đứng giá	201	CP	



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,082,955	14.8	3.0	19.3%	10.3%
HNX	147,948	15.1	1.9	8.6%	4.2%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,230,903</b>	<b>15.5</b>	<b>3.3</b>	<b>19.8%</b>	<b>10.0%</b>

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,199	6.9	0.9	12.9%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,198	9.6	1.5	15.9%	10.5%
Thép và sản phẩm thép	39,001	14.3	2.1	21.9%	10.7%
Khai khoáng	12,846	95.3	6.1	-3.8%	-3.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,418	14.5	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	33,216	65.7	1.3	-2.5%	1.8%
Máy công nghiệp	8,675	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,189	8.9	1.5	18.3%	13.3%
Lốp xe	9,013	11.6	3.1	25.5%	11.1%
Nuôi trồng nông & hải sản	22,608	11.8	2.0	19.0%	6.4%
Thực phẩm	198,423	25.1	4.8	18.8%	14.5%
Dược phẩm	15,672	11.3	2.9	22.6%	14.9%
Phần mềm	17,648	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	29,757	10.0	1.5	16.0%	7.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,787	16.8	5.5	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	25,994	21.3	2.2	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	29,522	13.1	1.7	10.7%	7.6%
Ngân hàng	239,161	11.3	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	188,835	17.2	3.7	23.2%	5.7%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	49,800	11.5	2.2	21.8%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	642.90	0.13	0.02%
HNX30	180.62	0.49	0.27%

### VietinBankSc

306 Ba Trieu  
Hai Ba Trung  
Hanoi  
Vietnam  
Tel: (844) 3974 7952  
Fax: (844) 3974 1760  
www.vietinbanksc.com.vn

## Thông kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

## Dòng vốn chảy mạnh vào trái phiếu

## 20 thành viên APEC rót gần 190 tỷ USD vào Việt Nam

## 10 tháng, giải ngân ODA đạt gần 80%

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

## PVD lãi hợp nhất 9 tháng 2.014 tỷ đồng, gấp 1,4 lần cùng kỳ

## VNT lãi sau thuế 6,7 trong quý III, giảm 7% so với cùng kỳ

## Tập đoàn Cao su I: Đề nghị lấy vốn nhà nước giải quyết?

## ► Tin kinh tế

Ngân hàng đang tăng cường đổ tiền vào mua trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, dù lãi suất trái phiếu hiện nay đang ở mức khá thấp. Tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu so với tín dụng ở các ngân hàng như MB, Techcombank rất cao tương đương là 64%, 80%. Tiền đầu tư vào trái phiếu ở hầu hết các Ngân hàng đều tăng như, Vietinbank, BIDV, VPBank, ACB... Các chuyên gia cho rằng với việc bí đầu ra cho nguồn tiền thừa hiện nay dẫn đến ứ đọng vốn, nên các NH chấp nhận đầu tư mạnh vào trái phiếu chính phủ lẫn doanh nghiệp, dù lãi suất thấp hơn cả lãi suất huy động

Tại Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương lần thứ 22 cho thấy thương mại và đầu tư song phương giữa Việt Nam với các thành viên APEC đã không ngừng được đẩy mạnh trong thời gian qua. Trong top 10 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, 9 nhà đầu tư hàng đầu đều là các thành viên APEC. Đó là Nhật Bản, với tổng vốn đăng ký đến hết tháng 9/2014 là trên 36,3 tỷ USD; Hàn Quốc, 33,4 tỷ USD; Singapore, 31 tỷ USD; Đài Loan, 28 tỷ USD; Hồng Kông, 13,98 tỷ USD; Hoa Kỳ, 10,9 tỷ USD; Malaysia, 10,66 tỷ USD; Trung Quốc, 7,9 tỷ USD và Thái Lan, 6,63 tỷ USD. Nếu tính tổng vốn FDI mà 20 thành viên APEC đã đầu tư vào Việt Nam, thì con số này lên tới 189,5 tỷ USD, chiếm trên 78% tổng vốn FDI (241,6 tỷ USD) đăng ký vào Việt Nam.

Theo Bộ Tài chính, 10 tháng qua, giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ đạt 68.574,6 tỷ đồng, đạt 78,8% so với kế hoạch năm 2014. Trong công tác tài chính đối ngoại và quản lý, tháng 10-2014, Bộ Tài chính đã chủ trì ký kết 2 Hiệp định vay ODA từ nhà tài trợ Bỉ và Hàn quốc với tổng trị giá 51,4 triệu USD. Như vậy, tính đến hết 20-10-2014, 29 Hiệp định vay đã được ký kết với tổng trị giá 3.231,5 triệu USD, bằng 66,7% so với dự kiến cả năm, góp phần bổ sung nguồn vốn dài hạn cho đầu tư phát triển. Bộ Tài chính cho biết, tổng nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ 10 tháng năm 2014 là 189.153,4 tỷ đồng, đạt 90,6% kế hoạch.

## ► Tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - PV Drilling (HOSE: Mã PVD) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2014 và 9 tháng đầu năm 2014. Doanh thu thuần quý III đạt 5.520 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp quý này tăng 17%, đạt 1.076 tỷ đồng. Hệ số lợi nhuận gộp/doanh thu thuần đạt 19,5%. Lợi nhuận sau thuế quý III/2014 đạt 624,8 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lãi cổ đông công ty mẹ đạt 591,4 tỷ đồng. EPS tương ứng đạt 1.953 đồng. Giải trình lợi nhuận quý III, công ty cho biết các giàn khoan sở hữu của PVD tiếp tục hoạt động an toàn với hiệu suất cao trên 98%. Số lượng giàn khoan thuê có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, bình quân 6 giàn khoan trong quý III/2014 so với 3 giàn khoan trong quý III/2013.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (HOSE: Mã VNT) thông báo kết quả kinh doanh quý 3/2014 đạt 187,8 tỷ đồng doanh thu và 6,7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Doanh thu tăng 26% còn lợi nhuận giảm 7% so với cùng kỳ năm 2013. Biên lợi nhuận gộp quý III/2014 là 6,5% trong khi quý III/2013 là 7%. Công ty không ghi nhận chi phí bán hàng còn chi phí quản lý đạt gần 5 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm, VNT đạt 487,5 tỷ đồng doanh thu và 22,6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Doanh thu tăng 2% so với cùng kỳ còn lợi nhuận sau thuế tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 4.169 đồng.

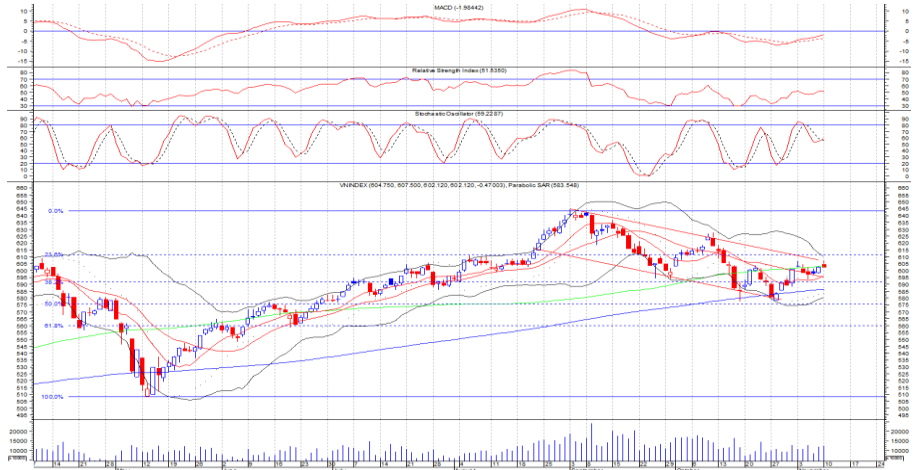
Tập đoàn Cao su Việt Nam vừa có văn bản đề nghị Chính phủ cho phép sáp nhập Công ty tài chính Cao su vào tập đoàn và dùng vốn của tập đoàn để "giải quyết" hậu quả Công ty tài chính Cao su để lại. Công ty Tài chính Cao su có vốn điều lệ là 1.088 tỷ đồng, tổng tài sản 1.630 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay tổng lỗ của Công ty Tài chính cao su đã lên tới 1.775 tỷ đồng - vượt quá tổng tài sản và đã bị đề nghị giải thể. Các khoản lỗ là do cho vay bất động sản, đầu tư chứng khoán và đặc biệt công ty này còn gửi tiền vào ALC II

**HOSE** 10/11/2014 VNINDEX 602.12 -0.47 -0.08% 138,816,769 CP 2,886.62 bil VND

### Chỉ số 2 sàn bất ngờ mất điểm cuối phiên

VN-Index giảm 0.47 điểm (-0.08%), đóng cửa tại mức 602.12 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.

- MACD tiếp tục gia tăng, điều này cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn còn.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại ở phiên hôm nay.
- RSI (14) duy trì ở mức 51.
- VN-Index vẫn đang nằm ở giữa vùng MA20 và MA100, đây là vùng tích lũy khá tốt của chỉ số này. Dòng tiền vẫn vào thị trường vẫn chưa đủ mạnh để giúp VN-Index thoát kênh giảm điểm.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (2.6%)	18,837,820
HAG	-0.4 (-1.6%)	7,260,580
VHG	0.1 (0.6%)	6,119,370
OGC	-0.1 (-1.1%)	5,869,320
KBC	-0.2 (-1.1%)	5,378,660

### HOSE Top 5 theo % tăng

VLF	0.5 (6.8%)	10
KAC	0.6 (6.7%)	240
PXT	0.4 (6.7%)	710,040
TIX	1.5 (6.7%)	10,010
VNS	3 (6.4%)	232,040

### HOSE Top 5 theo % giảm

TMS	-3.5 (-7.0%)	950
STT	-0.3 (-7.0%)	10
VTB	-0.9 (-6.9%)	1,250
GTA	-0.9 (-6.4%)	29,800
VNG	-0.6 (-6.2%)	10

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	37,4 tỷ	447,980
JVC	28,3 tỷ	1,719,000
KBC	22,2 tỷ	1,282,250
MWG	14,8 tỷ	146,510
HPG	13,8 tỷ	247,590

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-8,1 tỷ	87,460
DIG	-4,6 tỷ	330,000
HAG	-4,5 tỷ	175,130
KDC	-2,8 tỷ	45,020
SSI	-2,4 tỷ	75,080

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,099,130	- 38.78

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự tích cực tiếp tục duy trì khá tốt, dòng tiền phân hóa khá mạnh, đà tăng lan rộng dần. Tuy nhiên, VN-Index lại bất ngờ mất điểm cuối phiên.
- ▶ KLGD tiếp tục gia tăng và đạt 126 triệu. Thanh khoản tiếp tục gia tăng là một yếu tố khá tích cực trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 38 tỷ. Khối này mua mạnh MSN, VCB trong khi bán nhiều ở PVD, HAG.
- ▶ Nếu dòng tiền tiếp tục gia tăng tốt thì VN-Index có thể tiếp tục phục hồi, tuy nhiên sự rung lắc sẽ diễn ra mạnh khi VN-Index tiệm cận biên trên của kênh giá giảm.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái nắm giữ cổ phiếu, dòng tiền có dấu hiệu tách tốp và phân hóa. Việc lựa chọn mã trong giai đoạn này hết sức quan trọng.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.2	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.9	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.3	72,755.06	15.8	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,454.6	48.7	70,836.83	14.3	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	85.5	62,911.60	-1,547.4	4.4	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	9.2	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	91.5	27,727.88	12.1	2.3	22.7%	10.7%
HPG	481.9	56.5	27,227.81	8.6	2.4	30.2%	14.7%
BVH	680.5	38.3	26,062.06	21.3	2.2	10.2%	2.1%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

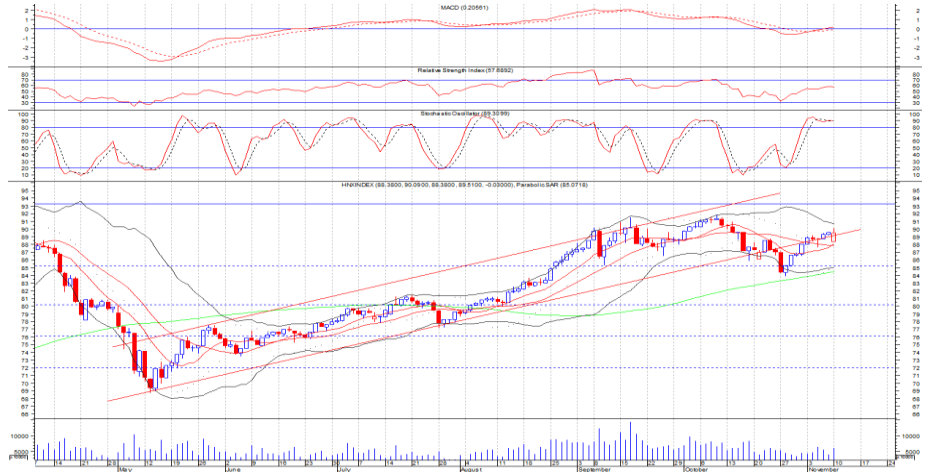
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.4	837.89	36.1	1.0	NA	TH.DOI
HBC	52.7	17.4	916.85	20.9	1.0	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.1	2,322.09	7.2	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.0	3,047.06	8.3	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	3.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.5	566.00	1.8	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 10/11/2014 HNX-Index 89.51 -0.03 -0.04% 68,149,761 CP 989.21 bil. VND

### Chỉ số 2 sàn bất ngờ mất điểm cuối phiên

Chỉ số HNX-Index giảm 0.03 điểm (-0.03%), đóng cửa tại mốc 89.51 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến tương đối dài, HNX-Index bất ngờ mất điểm ở phút cuối, sau khi vẫn duy trì đà xanh ở cả phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán trở lại.
- MACD gia tăng trở lại và cắt đường zero - base, đây là tín hiệu rất tích cực.
- RSI (14) duy trì ở mức 57.
- MA10 cắt MA20 đây là dấu hiệu khá tích cực, nó cho thấy đà tăng HNX-Index vẫn còn.



HNX Top 5	theo KLGĐ	
KLF	0.3 (2.6%)	20,564,590
SHS	0.4 (3.4%)	4,274,380
FIT	1.5 (5.2%)	3,731,200
PVX	-0.2 (-3.1%)	3,606,900
SCR	-0.1 (-1.0%)	2,936,010

HNX Top 5	theo % tăng	
PPE	0.4 (10.0%)	2,700
CAN	2.7 (9.8%)	3,200
SDA	1 (9.8%)	135,530
SDD	0.4 (9.8%)	305,720
VIX	4.8 (9.8%)	606,100

HNX Top 5	theo % giảm	
L14	-2.4 (-9.8%)	105,900
BXH	-1.1 (-9.8%)	400
BAM	-1.5 (-9.8%)	8,820
TBX	-1.1 (-9.3%)	800
CSC	-1.3 (-9.2%)	110

HNX Top 5	Mua ròng NDTNN	
IVS	3,7 tỷ	278,600
PLC	0,9 tỷ	27,000
FIT	0,3 tỷ	10,100
PGS	0,3 tỷ	7,000
MNC	0,3 tỷ	18,700

HNX Top 5	Bán ròng NDTNN	
PVC	-11,1 tỷ	327,200
PVS	-5,5 tỷ	135,000
LAS	-1,5 tỷ	47,600
AAA	-0,8 tỷ	50,000
SHB	-0,4 tỷ	43,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-309,520	- 14.52

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự tích cực tiếp tục duy trì khá tốt, dòng tiền phân hóa khá mạnh, đà tăng lan rộng dần. Tuy nhiên, HNX-Index lại bất ngờ mất điểm cuối phiên.
- ▶ KLGĐ tiếp tục gia tăng và đạt 63 triệu. Thanh khoản tiếp tục gia tăng là một yếu tố khá tích cực trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 14 triệu. Khối này mua mạnh IVS, trong khi bán nhiều ở PVC, PVS.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy ở vùng điểm này. Chưa có nhiều kỳ vọng để HNX-Index có thể bứt phá khi lực cầu chưa có dấu hiệu nâng giá.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái nắm giữ cổ phiếu, dòng tiền có dấu hiệu tách tốp và phân hóa. Việc lựa chọn mã trong giai đoạn này hết sức quan trọng.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	40.7	18,180.71	11.0	2.1	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	26.3	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.0	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.3	5,874.75	10.1	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.0	5,000.00	82.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	13.2	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	49.2	2,771.89	7.4	2.1	22.9%	15.2%
VNR	131.1	20.0	2,621.52	8.4	0.8	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.2	2,480.00	- 2.1	3.5	-128.0%	-7.7%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.9	1,440.20	8.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.2	641.52	7.1	0.6	NA	TH.DOI
VND	155.0	14.0	2,169.98	11.3	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.2	2,771.89	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.6	1,680.00	10.1	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	8.2	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	15.22%	85.5	#####	4.41	174,743	238,317	238,825
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	12.53%	48.7	14.27	2.56	1,083,632	1,493,618	2,060,943
PVD	HOSE	303.0	27,727.88	11.71%	91.5	12.08	2.32	303,575	572,786	552,082
HPG	HOSE	481.9	27,227.81	11.57%	56.5	8.62	2.37	405,250	623,337	794,300
HAG	HOSE	789.9	20,063.44	7.45%	25.4	10.83	1.40	3,624,453	3,616,706	3,959,100
KDC	HOSE	255.2	16,202.73	7.00%	63.5	25.50	2.33	890,381	729,294	822,591
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	5.69%	19.2	8.82	1.22	326,871	363,479	415,359
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	5.16%	27.3	15.76	1.42	299,079	264,957	497,830
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.04%	29.8	9.49	1.23	408,147	480,584	1,072,094
KBC	HOSE	389.8	6,859.78	2.83%	17.6	30.37	1.38	5,593,384	5,172,044	4,567,542
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.64%	8.7	67.42	0.80	4,264,301	4,561,953	7,765,508
HSG	HOSE	96.3	5,008.28	1.95%	52.0	15.20	2.19	226,163	388,428	346,443
BVH	HOSE	680.5	26,062.06	1.83%	38.3	21.27	2.23	227,715	215,598	243,979
HVG	HOSE	132.0	4,474.79	1.55%	33.9	15.07	1.82	1,639,306	1,718,240	1,810,841
FLC	HOSE	314.9	3,778.73	1.53%	12.0	8.95	0.84	10,047,597	9,750,356	15,104,319
PPC	HOSE	318.2	8,144.76	1.47%	25.6	11.23	1.52	346,794	345,006	634,204
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.41%	60.0	15.02	3.62	58,545	100,723	183,281
PVT	HOSE	255.9	4,528.68	1.37%	17.7	18.88	1.42	1,751,429	1,764,641	2,281,701
CSM	HOSE	67.3	3,021.41	1.32%	44.9	8.72	2.39	93,232	144,615	251,037
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.16%	14.5	14.46	1.13	615,261	548,657	714,144
OGC	HOSE	300.0	2,730.00	0.56%	9.1	33.96	0.87	6,449,735	6,270,658	4,857,183

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	8.82%	85.5	#####	4.41	174,743	238,317	238,825
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	7.52%	48.7	14.27	2.56	1,083,632	1,493,618	2,060,943
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	7.13%	27.3	15.76	1.42	299,079	264,957	497,830
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	6.57%	19.2	8.82	1.22	326,871	363,479	415,359
PVS	HNX	446.7	18,180.71	5.68%	40.7	10.98	2.09	1,954,039	2,517,365	3,745,095
BVH	HOSE	680.5	26,062.06	4.46%	38.3	21.27	2.23	227,715	215,598	243,979
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.25%	29.8	9.49	1.23	408,147	480,584	1,072,094
HAG	HOSE	789.9	20,063.44	4.13%	25.4	10.83	1.40	3,624,453	3,616,706	3,959,100
PVD	HOSE	303.0	27,727.88	3.97%	91.5	12.08	2.32	303,575	572,786	552,082
PPC	HOSE	318.2	8,144.76	3.19%	25.6	11.23	1.52	346,794	345,006	634,204
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.12%	8.7	67.42	0.80	4,264,301	4,561,953	7,765,508
FLC	HOSE	314.9	3,778.73	2.70%	12.0	8.95	0.84	10,047,597	9,750,356	15,104,319
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.52%	8.6	9.02	0.72	2,688,526	3,966,289	5,053,245
VCG	HNX	441.7	5,874.75	2.07%	13.3	10.11	1.04	1,215,168	1,236,355	1,460,475
PVT	HOSE	255.9	4,528.68	1.77%	17.7	18.88	1.42	1,751,429	1,764,641	2,281,701
OGC	HOSE	300.0	2,730.00	1.46%	9.1	33.96	0.87	6,449,735	6,270,658	4,857,183
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.05%	60.0	15.02	3.62	58,545	100,723	183,281
IJC	HOSE	274.2	3,838.72	0.65%	14.0	23.21	1.33	726,183	684,256	1,594,229
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 2.07	3.45	5,175,576	6,319,404	9,562,670

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	0.00%	48.7	14.27	2.56	1,083,632	1,493,618	2,060,943
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	0.00%	85.5	#####	4.41	174,743	238,317	238,825
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.00%	29.8	9.49	1.23	408,147	480,584	1,072,094
HAG	HOSE	789.9	20,063.44	0.00%	25.4	10.83	1.40	3,624,453	3,616,706	3,959,100
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	0.00%	27.3	15.76	1.42	299,079	264,957	497,830
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.00%	19.2	8.82	1.22	326,871	363,479	415,359
BVH	HOSE	680.5	26,062.06	0.00%	38.3	21.27	2.23	227,715	215,598	243,979
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.32	1.02	406,099	343,044	385,872
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.20	5.63	224,554	403,922	398,686

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	4.01%	85.5	#####	4.41	174,743	238,317	238,825
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	2.27%	48.7	14.27	2.56	1,083,632	1,493,618	2,060,943
PVD	HOSE	303.0	27,727.88	4.39%	91.5	12.08	2.32	303,575	572,786	552,082
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.89%	19.2	8.82	1.22	326,871	363,479	415,359
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	1.28%	27.3	15.76	1.42	299,079	264,957	497,830
BVH	HOSE	680.5	26,062.06	1.79%	38.3	21.27	2.23	227,715	215,598	243,979

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

10 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,199	6.9	0.9	12.9%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,198	9.6	1.5	15.9%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,038	29.4	0.9	3.4%	1.5%
Sản xuất giấy	918	6.7	1.0	14.1%	7.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,001	14.3	2.1	21.9%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,915	3.5	1.0	22.1%	5.3%
Khai khoáng	12,846	95.3	6.1	-3.8%	-3.2%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,418	14.5	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	33,216	65.7	1.3	-2.5%	1.8%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,252	9.6	1.2	15.9%	8.0%
Công nghiệp phức hợp	1,280	8.4	1.4	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,489	7.0	1.0	13.1%	6.5%
Thiết bị điện	2,093	38.0	1.0	2.6%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	47	15.4	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,675	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,924	3.4	1.1	4.1%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,189	8.9	1.5	18.3%	13.3%
Dịch vụ vận tải	6,524	8.9	1.6	19.0%	11.8%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,888	11.8	1.6	17.4%	8.3%
Đào tạo & Việc làm	276	11.0	0.9	8.3%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	194	8.9	0.8	11.9%	4.9%
Chất thải & Môi trường	189	2.9	0.9	33.8%	16.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,186	13.3	1.3	14.6%	7.2%
Lốp xe	9,013	11.6	3.1	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,562	7.1	1.3	17.3%	9.3%
Vang & Rượu mạnh	330	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,608	11.8	2.0	19.0%	6.4%
Thực phẩm	198,423	25.1	4.8	18.8%	14.5%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	73	20.6	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,720	9.3	1.5	15.1%	7.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	575	36.3	1.5	4.3%	2.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,670	8.4	1.7	19.8%	7.9%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,189	11.6	2.1	17.9%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	8.1	1.1	1.4%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	18.1	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	210	8.9	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,672	11.3	2.9	22.6%	14.9%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	285	-	45.3	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	736	10.0	1.2	14.0%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,010	10.4	1.7	18.5%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,133	10.5	1.0	9.4%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,620	72.3	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,625	21.7	1.3	10.9%	9.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,762	18.7	3.6	23.6%	20.4%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	792	19.2	1.0	5.6%	2.0%
Internet	340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,648	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	476	15.1	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	291	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,416	34.7	7.1	34.1%	11.5%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,757	10.0	1.5	16.0%	7.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,787	16.8	5.5	33.0%	22.6%
Nước	1,238	6.6	1.1	17.0%	11.7%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,385	8.0	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,991	12.0	0.8	6.6%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,622	8.3	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,994	21.3	2.2	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,993	36.1	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	29,522	13.1	1.7	10.7%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	239,161	11.3	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	188,835	17.2	3.7	23.2%	5.7%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	49,800	11.5	2.2	21.8%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.